

Số: **3966** /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày **15** tháng **11** năm **2016**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Định hướng hoạt động khoa học và công nghệ  
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2021**

**BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 2718/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Danh mục các nhiệm vụ không thường xuyên năm 2016;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2021 (sau đây gọi là định hướng khoa học và công nghệ).

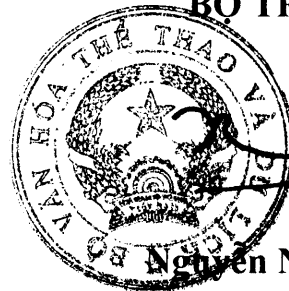
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Công Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, KHCNMT, PL.180.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Ngọc Thiện**



**ĐỊNH HƯỚNG**

**Hoạt động khoa học và công nghệ  
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2021**

*(Ban hành theo Quyết định số 3966 /QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 11 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỊNH HƯỚNG**

- Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp, hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Quyết định số 1157/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết 102/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014;

- Quyết định số 4227/QĐ - BVHTTDL ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2013 - 2020, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 1647 /QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 46/NQ - CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Quyết định số 2850/QĐ-BVHTTDL ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Kế hoạch hành động của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành theo Nghị quyết 102/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014;

- Quyết định số 2244/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch Ban hành Chương trình hành động của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

**II. MỤC ĐÍCH**

1. Làm cơ sở lập kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm; đề xuất nhiệm vụ và ứng dụng kết quả nghiên cứu góp phần tổng kết lý luận và thực tiễn nhằm xây dựng cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật; đổi

mới cơ chế quản lý; phát triển sự nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động ngành, lĩnh vực thuộc Bộ.

2. Tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để giải quyết những vấn đề nghiên cứu có tính cấp bách trong hoạt động thực tiễn của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

### **III. NHIỆM VỤ CHUNG**

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ góp phần hiện thực hoá các nhiệm vụ phát triển văn hóa, thể dục thể thao, du lịch và gia đình, đã được ghi trong các Nghị quyết của Đảng, Chiến lược phát triển của ngành, trọng tâm là các nhiệm vụ của Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 Ban chấp hành Trung ương khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về Thể dục thể thao đến năm 2020; Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08 ngày 12 tháng 2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới; Quyết định số 629/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030. ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ

2. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng kết hợp với nghiên cứu cơ bản; coi trọng triển khai thực hiện đề tài cấp quốc gia và nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư nhằm giải quyết những vấn đề cấp thiết của ngành.

### **IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

1. Về văn hóa

1.1. Nghiên cứu xây dựng hệ giá trị con người, đạo đức lối sống, các chuẩn mực về ứng xử văn hóa góp phần ngăn chặn xuống cấp đạo đức, khắc phục những mặt còn hạn chế của con người Việt Nam.

1.2. Đề xuất các giải pháp xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng thị trường văn hóa, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa.

1.3. Tổng kết cơ sở lý luận, thực tiễn và những bài học kinh nghiệm trong và ngoài nước về toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa.

1.4. Nghiên cứu phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng.

1.5. Nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện văn hóa doanh nghiệp và doanh nhân; nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật để tạo ra nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật.

1.6. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp hoạt động nhằm sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

1.7. Nghiên cứu xây dựng hệ thống lý thuyết và quy trình công nghệ giải pháp bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc.

1.8. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng sáng tác tác phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đặc biệt ưu tiên các dân tộc có số dân rất ít người; Bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống.

## 2. Về Thể dục thể thao

### 2.1. Thể thao thành tích cao

- Ứng dụng khoa học và công nghệ hoàn thiện các giải pháp tuyển chọn đào tạo, huấn luyện vận động viên các môn thể thao Olympic Việt Nam có thể mạnh.

- Xây dựng cơ chế quản lý, chế độ, chính sách đặc thù đối với vận động viên và huấn luyện viên thể thao.

- Xây dựng mô hình quản lý thể thao chuyên nghiệp ở Việt Nam phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

- Phát huy vai trò của các Liên đoàn, Hiệp hội trong hoạt động thể thao.

### 2.2. Thể thao cho mọi người

- Nghiên cứu mô hình và các giải pháp phát triển thể dục, thể thao cho mọi người gắn với phong trào “Xây dựng gia đình văn hóa” và “Xây dựng nông thôn mới” và nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách quản lý và phát triển thể thao cho người khuyết tật.

2.3. Nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao gắn với phát triển du lịch.

## 3. Về Du lịch

3.1. Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách và các giải pháp nhằm xây dựng ngành du lịch phát triển theo chiều sâu, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn tạo động lực cho các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

3.2. Xây dựng thương hiệu, xúc tiến quảng bá, phát triển thị trường, nâng cao tính chuyên nghiệp.

3.3. Nghiên cứu các giải pháp nhằm khai thác các giá trị di sản văn hóa, thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, hệ thống các bảo tàng và giữ gìn vệ sinh môi trường để phát triển du lịch bền vững.

3.4. Xây dựng sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa vùng miền hạn chế sự trùng lặp về sản phẩm du lịch.

3.5. Đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về Du lịch và ứng xử văn hóa trong hoạt động du lịch.

#### 4. Về gia đình

4.1. Nghiên cứu các giải pháp góp phần thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

4.2. Tổng kết cơ sở lý luận và thực tiễn về phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình Việt Nam; xây dựng chuẩn mực văn hóa ứng xử trong gia đình gắn kết chặt chẽ với nhà trường và xã hội.

4.3. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu.

4.4. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác gia đình đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

5. Nghiên cứu xây dựng các giải pháp thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

#### 6. Quản lý và phát triển công nghệ

6.1. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Quy hoạch phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đến năm 2020 do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

6.2. Nghiên cứu đề xuất các hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về văn hóa, thể thao và du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét phê duyệt.

6.3. Chú trọng triển khai các dự án tăng cường tiềm lực nghiên cứu KH&CN cho các đơn vị thuộc Bộ thường xuyên có các hoạt động nghiên cứu và thực hiện một số nhiệm vụ khoa học. Tăng cường bổ sung trang thiết bị các phòng thí nghiệm, thử nghiệm để đáp ứng nghiên cứu khoa học, dịch vụ khoa học và công nghệ.

#### 7. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

7.1. Tăng cường thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư.

7.2. Khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ hợp tác với các nước trong việc tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ, tham gia các cuộc Hội thảo, Hội nghị quốc tế về khoa học và công nghệ.

### **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Hàng năm tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học, các lớp tập huấn về khoa học và công nghệ nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác khoa học của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ tăng cường đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang tính đột phá nhằm giải quyết những vấn

đề cấp bách trong thực tiễn quản lý và hoạt động, đảm bảo hàm lượng khoa học và tính ứng dụng cao.

3. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Viện nghiên cứu trực thuộc Bộ theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP, ngày 14 tháng 6 năm 2016, quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng khoa học các cấp trong việc xác định và đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học.

5. Gắn nghiên cứu khoa học với nâng cao chất lượng đào tạo, từng bước hình thành mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ đủ mạnh để, tham gia hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

6. Chú trọng huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Tổng cục, Cục, Vụ và các đơn vị liên quan phổ biến Định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2021.

b) Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ báo cáo Bộ trưởng.

c) Tăng cường kiểm tra tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ tại các đơn vị thuộc Bộ.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo về Bộ.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh những vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung, các Tổng cục, Cục, Vụ và các đơn vị thuộc Bộ, chủ động phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./L

**BỘ TRƯỞNG**



Nguyễn Ngọc Thiện